

ĐÊM B'LAO

Hơn 60 năm qua, ngày ấy nghe âm thanh hai tiếng B'Lao, quả thật tôi chẳng biết nó là Buôn, là Sóc ở nơi nào, coi như phụ công ơn dạy dỗ của các thầy trong giờ học môn Địa lý.

Rồi bỗng nhiên cuối mùa hè 56, các bạn đồng môn truyền nhau rằng: “Thằng Long và cô em gái của nó bị tai nạn chết ở đèo B'Lao rồi”.

- B'Lao ở đâu ?
- Ở Lâm Đồng
- Lâm Đồng ở đâu ?

Có bạn nghe hỏi như tra vấn, mỉm cười:

- Màyl bắc thang lên hỏi ông trời ấy.

Nghe câu trả lời thế, một anh dáng dấp “ông cụ non”, quần áo trắng phau ủi “li” thẳng tắp giống như anh em nhà Lê Bá Thư, Lê Bá Thi và Hải “bột” lớp tôi xưa, vừa giơ tay vuốt mái tóc uốn lượn xoắn phía trước tựa tóc thầy Vũ Khắc Khoan, vừa nhẩn nha bảo:

- Mày lên nghỉ mát ở Đà Lạt thì mày sẽ biết B' Lao ở đâu.

Nó trả lời như đánh bùn sang ao ! Anh bạn chắc hẳn con nhà giàu, lưỡng thũng đi. Bọn tôi cũng rời gốc phượng sân trường, tản mát ra về. Nhưng trong lòng tôi, cái tiếng Đà Lạt bỗng đâu lại nhắc tôi những lá thư mà ông bố tôi viết ngày bố con tôi chia tay kẻ Bắc người Nam. Ông ở lại, ông cũng bỏ luôn mồ mả tổ tiên về quê bà ba ở tận Quảng Yên - ông thoát thân vào tộc Thái Mèo, và ông đẩy tôi mang ba lá thư đi vào nơi vô định với niềm tin “máu chảy ruột mềm”. Hai lá thư đã tới tay người ruột thịt. Còn cô tôi có chông làm lính gác dinh thự nơi đất đai gọi là Hoàng triều cương thổ. Xem ra chắc cũng chỉ đủ ăn. Đem lá thư của bố tôi tới làm gì cho lòng cô thêm xa xót. Tôi cũng chỉ ước mơ một lần được lên Đà Lạt, không phải mong muốn được hưởng thụ mà chỉ để cô tôi hiểu cho rằng “giòng giống nhà bố cháu, phúc đức ông bà chưa bị tuyệt tự”. Bởi các em của tôi, con bà hai bà ba, đều là con gái cả.

Nay nghe anh bạn cùng trường vừa mất trên quãng đường này, ngay tại B' Lao cách Sài Gòn 193 cây số. Nơi đây đất đá ra sao và nhất là lên tới Đà

Lạt còn 110 cây nữa toàn dốc với đèo. Tính ra cũng hơn 300 cây số. Giá hồi ấy tôi được ngồi cùng lớp với ba ông “Ngự lâm pháo thủ” có những cái tên ngộ nghĩnh như Châu “mù”, Đô đốc “thuyền thúng chân sắt” và Vũ “văng” đường phố, bỏ núi, bỏ rừng về xuôi, thì chắc tôi đã có bạn đồng hành trong ngày Tết ngày hè theo ba cụ lính Hoàng gia này về thăm cô tôi rồi. Ba năm sau thì cô tôi mất. Tôi đốt lá thư của bố tôi trước quan tài cô tôi.

Đà Lạt với tôi xa xăm từ cõi chết.

B’Lao xem ra cũng chẳng khác gì cuộc đời trôi nổi của nàng Kiều sớm Lâm Tri chiều Vô Tích. Bởi ngoài cái đầu bị thay họ đổi tên, B’Lao còn bị bóc da xẻ thịt. Nay được cho vào tỉnh này, mai cho vào tỉnh khác. Mặc dù có đổi thay theo thời thế, nhưng người ta vẫn gọi tên xưa như một hoài niệm. Một nhớ nhung lãng mạn tựa câu thơ xa xót của Nguyễn Du thương tiếc Đạm Tiên.

Phận hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoắt gãy cành thiên hương

Từ xa xưa, B’Lao vốn có tên là Buôn Kon-hin B’Lao của tộc người Mạ ở Tây Nguyên. Vùng đất

này nằm trên cao nguyên Lâm Viên – Djiring (Di Linh) với độ cao 1500m so với mực nước biển.

Trước kia, vào năm 1899 thời Pháp quốc bảo hộ, B’Lao thuộc tỉnh Đồng Nai Thượng, Tỉnh lỵ đặt tại Di Linh. Nhưng đến năm 1916, thành lập tỉnh Lâm Viên, đặt tỉnh lỵ tại Đà Lạt. Rồi năm 1920 lại chia tỉnh Lâm Viên, lập ra thành phố Đà Lạt. Phần còn lại, họ gọi tên cũ là Đồng Nai Thượng, tỉnh lỵ đặt tại Di Linh như trước kia. Đến năm 1918 chuyển tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng về Đà Lạt.

Năm 1958 thời Đệ Nhất Việt Nam Cộng hòa đổi tỉnh Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng. Giới hạn hành chánh gồm hai quận là quận Di Linh và quận Bảo Lộc thay tên gọi B’Lao. B’Lao từ đó chỉ còn trong dĩ vãng.

B’Lao của tỉnh Lâm Đồng nằm trên Quốc lộ 20, cách Sài Gòn 193 km và cách Đà Lạt 110km, như vậy nếu đi đường bộ từ Sài Gòn lên Đà Lạt, cuộc hành trình dài trên 300km. Thời gian tính ra cũng hơn 8 tiếng đồng hồ. Hai đèo ta phải đi qua là đèo B’Lao nối tỉnh Đồng Nai (Biên Hòa) với Lâm Đồng dài 10km được xây dựng từ năm 1973, vô cùng hiểm trở vì đất đá thường xuyên sạt lở.

Đèo thứ hai là đèo Phú Lộc cũng nằm trên Quốc lộ 20 thuộc quận Di Linh. Tuy có độ dốc vừa phải nhưng mặt đường gập ghềnh và thường xuyên bị nứt nẻ do môi trường khí hậu tàn phá. Cư dân B'Laos trước 75 thưa thớt. Đa số là người Kinh còn là người Mạ, Cờ-Ho, Nùng, Tày, Chu-Ru, Thái, Mường, Lô-Lô, Cống...

Năm 1930 người Pháp lập trường Nông học rộng ngàn hecta. Trải qua bao cuộc đổi thay, năm 1955 trường Nông Lâm Súc Việt Nam thời đệ nhất Việt Nam Cộng hòa tiếp nối phát triển đào tạo các sinh viên để đáp ứng nhu cầu xây dựng đang cần thiết. Nhưng ngày ấy B'Laos chỉ bát ngát cây xanh. Nghe đâu mãi đến năm 1960 mới có một rạp hát thiết kế bằng gỗ - lâu lâu ông chủ rạp Lâm Đô mới mời được một gánh hát “không xếp hạng nào ở chốn kinh kỳ” về hát giải buồn cho dân xem cũng như để giữ lại các đào kép tính bỏ nghề. Rồi đến năm 1970 mới có một rạp chiếu bóng, chứa được tới 500 người. Ông chủ rạp đó được tô tên rất nổi trên cổng vào. Đó là rạp chiếu phim Hoàng Huê.

B'Laos ngày ấy tuy vị trí nằm giữa chốn phồn hoa đô hội Sài Gòn và nơi kỳ hoa dị thảo Đà Lạt, nhưng xem ra ít người biết tới. Họ chỉ dặn nhau

rằng khi xe qua đèo B'Laio, đèo Phú Lộc thì nhớ chấp tay cầu xin những hồn ma ở dưới chân đèo phù hộ cho đi tới nơi về tới chốn.

Tôi chợt nhớ thời xưa bé bỏng, thường được bà ngoại tôi kể cho nghe rằng rừng núi thì có thần núi thần rừng. Nếu lỡ tay hái một chiếc lá rừng thì phải chấp tay xin thần tha thứ. Sông, suối có thần sông, thần suối và ngay cả đến những cây cao bóng cả như cây đa, cây đề thì lại càng phải tránh xa. Bà bảo: “Thần cây đa, ma cây đề” là vậy. Cháu chớ nên leo trèo bẻ cành vặt lá ... mà khốn vào thân.



Ngót nửa ngày trời, tôi và Phiền phải ngồi ép mình trong chiếc xe 6 chỗ của hãng Minh Trung chạy đường Sài Gòn – Đà Lạt. Chúng tôi ngồi xe cũng mất tiền nhưng là ngồi ké của xe chạy đường dài Sài Gòn – Đà Lạt. Tới B'Laio hết quãng đường dài 193km thì lấy hành lý xuống xe.

Qua thăm hỏi một hành khách cùng đi trên chuyến xe này, tôi được biết khi đến ngã ba Dầu Giây, xe về B'Laio, Đà Lạt sẽ rẽ vào Quốc lộ 20 vẫn thuộc địa phận tỉnh Biên Hòa. Tới cột mốc 75 chạy qua đèo B'Laio dài khoảng 10km là vào địa phận

tỉnh. Nếu muốn vào trung tâm thì phải đi thêm khoảng 23km nữa.

Quả nhiên, khi bắt đầu vào địa phận tỉnh Lâm Đồng, xe lượn một khúc cua rồi giảm tốc độ lên đèo vào vùng đất Tây Nguyên. Tôi nhìn cụ bà ngồi phía trước. Đôi tay cụ chấp lên ngực, như một phản xạ tự nhiên tôi nhớ lời bà dặn ngày thơ ấu. Tôi lăm lăm khẩn thần núi, thần rừng, đọc luôn tên bạn đồng môn Nguyễn Long và em Mai mà tôi chẳng biết mặt hai anh em bạn thế nào. Tôi nhắm mắt không dám nhìn ra ngoài. Lời cầu xin nặng trĩu trong tim.



Buổi chiều vùng cao nguyên Lâm Viên tủa gió lạnh vào B' Lao quá vội vàng. Mặt trời cuối thu tan trong sương mù lúc nào chẳng ai hay biết. Mấy dãy ký túc xá dành cho sinh viên ở, loáng thoáng có ánh đèn tù mù đỏ quạch. Vì chưa tới ngày cuối chọn nhập trường, nên ai tới sớm, tự do vào phòng ở tạm. Tuy gọi là Quận nhưng đèn đường nơi có nơi không, trừ các cơ quan Nhà nước. Còn đa số là thấp đèn dầu chập chờn lọt qua cửa sổ như bóng ma trôi. Tôi nghĩ tới đồng môn Dũng

“lôi” còng lưng đạp xe 4 năm trời theo học ngành Kỹ sư điện tại trường kỹ thuật đặt tại ngã tư Nguyễn Văn Thoại, Tô Hiến Thành. Nếu có mả học, tốt nghiệp ra trường, không biết có “đi kéo dây điện” đem ánh sáng đến những vùng tăm tối như đêm tôi đang ở B’Lao.

Năm năm rồi tôi đã quen cái ẩm áp của miền Nam nên vội vàng đẩy cửa vào phòng. Phiên mở va li, lôi ra chiếc mền dạ cá nhân còn thơm long não và cái gối quen thuộc rồi ngả tẩm lưng “mỡ màng” xuống giường. Kéo tẩm mền lên tận ngực, Phiên bảo tôi: “Lát nữa hai thằng nằm chung”. Tôi cười bảo: “Tất nhiên vì hai thằng chỉ có một cái mền”.

Bỗng Phiên hỏi tôi:

- Trưởng lớp Đỗ Phan Hạnh đã biết mình nghỉ học chưa ?

Tôi chưa kịp trả lời thì Phiên lại nói sang chuyện khác, giọng hơi buồn. Mai là chủ nhật, tụi nó biết mình đi hôm nay, chắc Thắng với Hoàn cũng chẳng tới nhà đâu. Giáng sinh hoặc Tết mình mới lại được về đàn đúm cùng nhau.

Tuy không có tiếng thở dài, nhưng cánh tay đưa lên ngang trán là tôi biết “người” đang nhớ nhà, nhớ bạn. Tôi lặng lẽ đẩy cửa ra ngoài. Phiên vội bảo:

- Mở va li, lấy cái áo ấm của mình mặc đỡ. Năm đây còn thấy lạnh...

Tôi bảo:

- Thử tìm lại cái giá rét ngày xưa xem sao.

Quả thật cái lạnh của B’Lao chẳng thấm thía gì với cái lạnh mùa đông cuối cùng bố con tôi ăn cái Tết “tha hương” ở Hải Phòng trong trại tiếp cư rộng mênh mông toàn người xa lạ. Nhưng cuối cùng lại chẳng xa lạ gì vì hầu hết họ đều là dân ở vùng Giao Thủy, Bùi Chu, Nam Định... Một số ít ở Kiến Xương, Thái Thụy... tỉnh Thái Bình. Tôi lang thang đi kiếm mấy bạn thân cùng học với tôi ở Nguyễn Khuyến như Thắng, Sách, Nguyễn Tự Chi, Phạm Gia Định, Phạm Văn Đăng.... Nhưng không gặp thằng nào. Có lẽ bọn nó về quê hay đi trước rồi.

Năm ấy xuân về. Xuân quá vội vàng và ... ban ngày trời vẫn lạnh, hình như gió bắc vẫn chưa muốn ra đi, nên ban đêm giá rét buốt tận xương.

Bố tôi cởi cái áo ba-đờ-xuy thời đi lính Pháp tuy đã ngót 10 năm trốn trại về quê nhưng vẫn còn bền lấm. Hơi ẩm của bố tôi và mùi vải mốc đã khiến tôi ngủ quên mê mệt. Có đêm tôi giật mình tỉnh giấc, sờ không thấy bố tôi đâu. Mở mắt tìm kiếm bố, tôi chợt thấy bố tôi vẫn ngồi ở bên tôi. Mặt bố quay ra phía cửa. Dưới ánh đèn đường hắt vào, tôi thấy bố tôi chống tay trên hai đầu gối ôm mặt. Lâu lâu bố tôi lại thò tay rút cái khăn mùi xoa nhàu nát trong túi quần ra, đưa tay lên chấm chấm vào hai mắt. Bố tôi đang khóc thầm!. Có lẽ trong giờ phút cha con sắp mất nhau, bố tôi mới thấy đau xót quặn lòng.

Trong hơn một tuần sống tại trại tiếp cư ở Hải Phòng chờ chuyên tàu áp chót vô Nam. Bố tôi bảo muốn ăn gì thì nói bố mua cho vì ngày ngày hai bố con tôi lang thang trên phố. Có hôm bố dẫn qua ngôi trường Trung học Ngô Quyền nằm im như ngủ. Dù Tết đã qua hơn chục ngày mà chẳng thấy ai. So với trường Trung học Nguyễn Khuyến ở Thành Nam của tôi thì ngôi trường này là mặt trắng và trường của tôi chỉ là ngôi sao bé tí, lúc tỏ lúc mờ. Bố bảo đây là kiểu trường người Pháp xây dựng từ những năm 1920 và có tên trường là

Bonnal. Đến năm 1948 thì đổi tên thành trường Ngô Quyền. Tuy nhìn trường Ngô Quyền uy nghi to lớn thế, nhưng lòng tôi chẳng thấy chút nhớ nhung gì. Tôi bước theo bố, rời ngôi trường ấy một cách dửng dưng. Có chăng là kỷ niệm khó quên những ngày cuối của cuộc đời mình còn bố. Bởi hai năm sau, năm 1956 qua một lá thư từ Pháp gửi về cho chú tôi. Ông mở ra đọc. Rồi như không tin ở mắt mình, phải đem ra gần cửa sổ coi lại. Xong ông chạy vào bảo thím tôi: “Anh cả mất rồi!”.

Anh cả ấy là bố tôi, là ông đi lính Tây lên tới chức đội. Mỗi Tết về làng thăm bà nội tôi, ông đội nón lính Lê Dương, đi giày săng đá và khoác cái áo ba-đờ-xuy da màu phân ngựa dài quá gối.



Người trong làng gặp ông đều chào ông với câu “Quan đội về ăn Tết”.

Nay thì “bố tôi chết rồi. Chết đúng như Từ Hải. Tôi lại liên tưởng cái áo dạ cũ 10 năm lỗ chỗ gián gặm mà hai bố con tôi đắp ở trại Tiếp cư Hải Phòng. Một đêm tôi thấy bố ngồi khóc một mình. Hôm nay tôi cũng khóc thầm như bố tôi ngày ấy. Tôi khóc một mình.



Trời chưa khuya lắm mà những ngọn đèn dầu của các hàng quán bên đường đã tắt ngấm. Sương đêm B’Lao mù mịt, đặc quánh tưởng như thò tay là vớt được. Tôi không dễ ngủ khi đến nơi xa lạ, nên lần mò ra khu nhà nhỏ của bác Cai trường làm sát công. Sau những câu chào hỏi thân tình, tôi được biết ông cũng sần sần tuổi bố tôi. Ông quê ở huyện Nam Trực, cũng là quê của đồng môn Đăng Giao Trần Duy Cát. Anh cu Trần Duy Cát đi học ngày nào cũng như ngày ấy. chỉ có độc nhất cái quần soóc nhà binh, cái áo có cầu vai cũn cũn. Bộ đồng phục “Tây quăng” ấy xưa màu vàng nay đã ngả màu đồng ri. Nếu khoác lên vai cái thùng cà rem như mấy chú, mấy em vừa đi vừa rao trên hè phố ở quê tôi xưa: “Cà rem Thái Bình Dương nóng ròn đây. Vừa nóng vừa ròn ăn buốt răng đây !” thì cái

xước danh “Cát cà rem” của Nam Sinh Tín đặt cho rất chính xác.

Cũng nhờ “Cát cà rem” mà Phạm Trọng Sách cũng có xước danh là “Phạm Sạch Sê” chẳng hiểu có phải là tên Phạm Bình ngồi bàn trên cùng đặt cho không. Việc ấy xảy ra ở lớp trong giờ Pháp văn của Thầy Nguyễn Hoài Hối. Hôm ấy chúng tôi phải đóng vai các nhân vật trong tác phẩm Le Cid của Corneille. Cặp đầu tiên là Nguyễn Mạnh Hiền B đóng vai chàng Rodrigue và Nguyễn Hải Bằng nhập vai nàng Chimène. Hai tên này đối thoại với nhau ào ào rất correct. Mỗi tháng ôm 18 điểm về chỗ với lời khen cũng ào ào bằng tiếng Tây của Thầy.

Kế tiếp là màn đối thoại dẫn tới việc đấu kiếm của cha nàng Chimène với Rodrique, người yêu của nàng. Thầy gọi cặp Phạm Trọng Sách và Cát cà rem. Xưa nay Phạm Trọng Sách là tên ăn mặc rất phong độ, áo sơ mi trắng dài tay cùng quần tây ủi thẳng nếp. Tóc tai chải ngôi thẳng tắp. đi săng-đan da nâu bóng lộn so với Cát cà rem thì rõ ràng là một thằng địa chủ một thằng bần nông rồi. Ông địa chủ chi liếc qua sách rồi nói như Tây và thể hiện rõ tính cách của nhân vật. Tiếc thay Cát cà rem cứ

nhìn vào sách tìm xem ông bạn mình vừa nói ở câu nào để trả lời. Thấy cảnh này tôi ngồi dưới cũng run vì cái vốn tiếng Pháp của tôi xem ra có hơn gì nó. May thay lúc ấy có tiếng trống báo hết giờ. Thầy tôi lại nói tiếng Pháp ào ào khen Phạm Trọng Sách rồi thầy nhìn Cát cà rem bảo nhỏ “Nhớ ăn mặc sạch sẽ như Mơ-si-ơ Sách nghe:”. Thăng Sách có xước danh Phạm Sạch Sẽ là vậy. Mơ-si-ơ này ôm 20 điểm, còn Mơ-si-ơ Cà-rem hưởng một gậy, có con số không đằng trước. Có thăng biết anh rể thăng cà rem là bác sĩ Nguyễn Lân Đính học trường thuốc Tây dạy, nên nó bảo “sao mà không nói ông anh mà kèm cho. Học vài tháng là mà thành Tây con ngay. Cỡ thăng Robert Baton võ ngực học trường Tây Hà Nội cũng chào thua mà thôi !”. Quả nhiên, Cát cà rem năm ấy thi gặp bài Dissertation Morale nó làm ào ào, nhưng đến bài toán hình học có câu tìm quỹ tích thì nó tắc. Quay sang hỏi ông bạn đồng môn Thẩm Nghĩa Căn thì tên này cũng đang cắn bút. Kết quả ra sao ? Họ Thẩm cười hiền hậu bảo: Kết quả ra sao à ? thì hai thăng trượt vô chuối cả. Đến khóa 2 thì mới “bằng vàng bia lưới đề tên” ở cửa trường Gia Long. Hú vía!

Vừa lúc ấy, bác Cai trường xách ấm nước từ sau nhà đi lên, bác bảo:

- Thế cháu lên đây theo học ngành nào ?

- Dạ, cháu đưa ông anh lên học ngành Kiểm lâm bác ạ.

Vừa nghe trả lời, bác vừa rót trà ra hai chén to gần bằng chén ăn cơm, bác đẩy nhẹ nhẹ sang phía tôi nói:

- Ở đất B'Laô này, trà là ngon nhất. Uống vừa thơm vừa có hậu. Còn cà phê thì phải lên đất Buôn Mê Thuột.

Tôi nhìn lên tấm hình bác chụp mặc nhà binh, nên tò mò hỏi:

- Trước bác cũng ở Quân đội ?

- À, tôi đi lính Pháp, sau mình có Quân đội độc lập, tôi được đổi sang Bảo an đoàn. Di cư, đơn vị tôi được về giữ ở Đà Lạt.

Tôi chợt nhớ tới bố tôi nên hỏi bác:

- Bác đi lâu thế, chắc chức vụ cũng cao lắm?

Với nụ cười hiền lành, bác bảo:

- Muốn có chức này chức nọ thì phải có học. Tôi lên được chức cai tù thời Pháp, kể cũng là vinh

dự lắm rồi. Năm ngoái tới tuổi về hưu, tôi về ở với các cháu có rầy trồng dâu trồng trà cách đây cũng hai, ba cây số.

Già rồi, cày cuốc phụ giúp tụi nó không nổi nữa nên tôi xin ông Giám đốc trường này làm việc coi trường. Trước mình đóng chức Cai bây giờ vẫn có chức Cai. Xem ra số mệnh an bài cả.

Hai bác cháu nói chuyện quên cả thời gian. Không biết có phải là do cái tình đồng hương Nam Định quê xưa không mà một kẻ hậu sinh như tôi được hầu chuyện với bậc cha chú, tôi thấy tâm hồn êm ả trên đường trở về phòng ngủ dù sương đã thấm đọng lối đi.



Để nguyên cả quần áo, tôi đến bên giường và nhẹ nhàng leo lên. Tôi kéo mép tấm mền mà Phiên quán trên người như chảo giò. Cổ lắm cũng chỉ được gang tay. Nhờ nằm tráo trở đầu đuôi nên cũng có chút hơi ấm ban bè từ chân lên ngực. Nhưng chỉ vài phút hơi ấm ấy đã tiêu tan. Bởi cái cẳng chân không thua gì bắp vế Trường lớp. Cái chân ấy trong cơn mê ngủ đã đè lên bộ ngực lép kẹp của tôi đến nghẹt thở. Thế là tôi lạng lẽ rời đi.

Nằm đâu cho qua đêm đây ? Tôi tự hỏi và ước mơ có cái ổ rom, ổ trấu ở quê xưa. Nằm trên loại ổ ấy chỉ cần đắp một manh chiếu lên nữa thì dù gió bắc mưa phùn, mùa đông tháng giá cũng chẳng làm da thịt tôi se lạnh như bây giờ.

Tôi lột chiếc chiếu còn dư đến nằm trên chiếc giường đối diện với chiếc va li màu da bò lấp lánh dưới ánh đèn, tỏa ra từ bóng điện treo lủng lẳng giữa phòng. Tôi nhìn "Ông va li" nằm bình thản, chẳng có vẻ gì cảm thông cái lạnh đang xâm chiếm cơ thể tôi. Mặc dù tôi đã quấn chặt cái chiếu suốt từ vai tới ống quyển. Có lẽ "Ông" là da bò, da trâu cực nhọc cày bừa ngay cả mùa đông giá rét nên "Ông" quen với cái lạnh rồi chẳng !

Tôi nhớ mới đây hai tuần lễ, khi nghe trúng tuyển trường Nông học ở B'Lao, Hoàng Hữu Phiên đã rủ tôi ra đường Phạm Hồng Thái, đến các cửa hàng bán va li, túi xách ngay trước cửa ga Sài Gòn để lựa chọn một cái chứa đủ đồ để đi cùng ông trong suốt ba năm trời.

Hai chúng tôi vào ra năm, sáu cửa hàng hết sờ lại nấn, hết kéo fermeture lại ấn khóa kêu tanh

tách. Hấn luôn luôn hỏi tôi: màu này được không ?
Màu kia thế nào ?

Phải thú thực rằng từ xưa đến giờ tôi chưa lạc vào các loại đưng đồ cao cấp này. Bởi cả nhà tôi chỉ duy nhất bố tôi có một cái va li gỗ, ngoài bọc giấy bản rồi lấy dầu cọ sơn lên cho khỏi bị thấm nước. Cái va li gỗ của bố tôi chỉ có một cái khóa móc qua hai cái khoen. Kiểu thùng của các bác thợ cạo, thường lang thang trong đường làng ngõ xóm quê tôi với tiếng rao xuyên cả bờ tre, khóm trúc “Tóc hơ... tóc hơ”. Bởi thế đáp lại câu hỏi của Phiên, tôi trả lời ba phải. Nhưng khi đến cửa hàng cuối sắp quẹo đường Phan Châu Trinh có nhà bạn đồng môn mở tiệm buôn bán vàng thì hai thằng cùng bước vào một lúc. Tôi bảo:

- Đây là tiệm cuối không chọn được thì mai vào chợ Bến Thành hay vào Chợ Lớn tha hồ chọn.

- Vào chợ Bến Thành thì họ hét giá trên trời dễ bị hớ. Vào Chợ Lớn thì Ba Tàu bán hàng giả...

Thế là cùng nhìn, cùng tìm cái vừa ý nhất. Bà chủ ân cần đon đả. Bà nói giọng của xứ ngàn năm văn vật, không nói ngọng như vài chỗ Nam Định quê tôi. Phiên như bị mê hoặc nhìn theo bàn tay

thon mịn màng lông từng loại va li giới thiệu. Đây là loại si-mi-li trông thì đẹp nhưng dễ rách. Đây là loại giả da xài cũng không được bền lắm. Còn đây là loại da bò thật. Bà chủ kéo ra rồi vuốt lên mặt va li bảo. Tôi bảo đảm da mới nên còn cứng xài lâu nó sẽ mềm như lụa (?)...

Có lẽ tôi là thằng nhà quê, chăn trâu chăn bò cũng ngót mấy năm chạy loạn, lại nữa ngày nào cũng tắm cho chúng nên khi sờ theo lời bà chủ thấy không có lông nên tôi hỏi rất thật thà rằng: “Bằng da, sao không có lông”. Bà chủ mỉm cười, nhẹ nhàng bảo: “Da trâu, da bò phải thuộc” hết. Khi đó thì lông voi cũng rụng nói chi tới đám lông bò !

Thế rồi hai người ngã giá.

Phiên vào quây trả tiền, còn thì thăm gì đó. Lúc ra đứng chờ xe, tôi hỏi. Hấn bảo mình khen bà chủ đẹp như tài tử Lý Lệ Hoa.

Chờ mãi không có xe. Tôi bảo bác bộ cho rồi. Vì quãng đường từ đây về hẻm Võ Tánh gần nhà thờ Huyện Sĩ có bao xa. Chỉ qua bùng binh ngã sáu, chỗ có tượng Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, ngựa thè lưỡi có miếng đồng sơn đỏ tượng trưng cho ngựa đang khạc lửa đốt giặc Ân rồi muốn rẽ Võ

Tánh hay Ngô Tùng Châu thì rẽ. Rẽ về Ngô Tùng Châu thì qua tiệm thuốc Bắc có hình con bướm vàng là nhà của Nguyễn Quốc Khánh rồi lên tới ngõ 150A rẽ qua nhà Nguyễn Thái Vân...

- Nhà Khánh cũng gần tiệm thuốc Nam Thanh Xa chữa sán lãi phải không ?

- Đúng rồi. Lớp thằng này có mấy thằng tên Khánh. Nào Gia Khánh, Hồng Khánh, Nha Khánh, Quốc Khánh... Mỗi lần thấy tên này từ xa tới là bọn nó cứ giơ ngang hai cánh tay vẫy vẫy, mồm cười toe toét hát: “Kìa con bướm vàng ! Đây con bướm vàng”. Nó thấy thế cũng chỉ cười trừ. Mình học chưa biết nép tẻ gì thì nó đã ngồi trên lớp mình rồi. Tên này giống tên Lưu Ngọc Thủy. Bọn nó học nhảy điệu ào ào.

Cuối cùng chúng tôi đi về đường Võ Tánh, hè phố rộng thênh thang... Thời buổi ở thập niên 50, 60 người ta chưa sáng chế ra loại va li có bánh xe, có tay kéo, nên hai thằng tôi phải luân phiên xách tay. Song “ông va li” này bề dài, bề ngang đều quá cỡ đối với thân hình tôi. Tôi xách “ông”, co tay cao cho khỏi lết mặt hè thì chỉ được vài bước là đã muốn gãy tay, mà nó có như cái rổ cái rá, cái cặp đi học đâu mà cặp vào nách được. Thế là tôi vác “ông”

lên vai, mặc dù vừa mệt vừa phải hít cái mùi da vẫn còn hơi hướm mùi bò chết.

Gọi là luân phiên vắc, nhưng nó vắc nhiều hơn tôi vì nó to con so với tôi vừa lùn vừa ốm. Tuy thế cu cậu cũng luôn xách đôi tay này qua tay khác và rồi cũng dừng lại, lấy hơi. Những khi ngừng lấy sức ấy, bao giờ hắn cũng lấy mũi giày đỡ cạnh "Ông va li" không cho nằm xuống đất. Ý hắn sợ ông va li bị đau thịt, đau da. Thở xong, nó bảo:

- Tới phiên mày !

Thế là tôi lại lấy tăn vắc lên vai. Khi những bước chân loạng choạng muốn giao nhau, tôi lại nghĩ tới cái ngày tôi cũng có một cái va li gỗ, bố tôi đóng cho tôi. Trên con đường thiên lý vô định ngày 54 ấy, mỗi lần mỏi căng là tôi hạ ngay ông "va li gỗ" kê bàn tọa ngồi lên. Thoải mái, sung sướng ! Song hôm nay thì vất vả vô cùng. Chỉ đến khi gần tới tiệm phở bò 79. mùi nước lèo bay ra đánh bật cả cái mùi bò chết trên vai thì người tôi nhẹ tênh. Chúng tôi đi qua nhà thẳng Bùi Sinh Trí. Nhà nó ở mặt tiền đường, bên trong cửa kính có 2 con chó Berger chạy ra chạy vào sủa ông ổng, rồi rẽ vào con hẻm

150A là tới nhà. "Ông va li" da bò được khênh lên lầu, chờ ngày lên đường.

Tối nay ông đã nằm đây, nằm trong giá lạnh không biết rằng mai một cái mặt da ông có mềm như lụa theo lời tài tử Lý Lệ Hoa của Phiền đã nói hay không, chứ với tôi, nơi đây quanh năm lạnh còn hơn gió heo may dễ gì ông mềm nhũn. Sớm mai tôi lại về với lớp với trường, với Trường lớp to như ông Hộ pháp ngồi ở bàn đầu ngay cửa ra vào. Ông hiền như bụt nên tụi nó mới bầu cho ông để dễ bề được bao che như nhảy cửa trốn giờ hay chui vào khoảng trống chia hai lớp mà hút thuốc lá trộm với nhau. Bởi lớp tôi trên dưới 60 ông thì phần đông là khai rút tuổi chứ thực ra đều là thứ "cụ cả rồi". Cụ đã có vợ con như anh Trần Tuấn Khải. Lúc đầu thì không ai biết cả, chỉ đến khi tên Đào Xuân Hiệp thấy anh ngày nào cũng ôm cái cặp chứa đầy sách vở trong khi nó giờ nào môn nào cũng chỉ có một cuốn tập nhét ở túi quần sau, nó bèn hỏi:

- Anh khóa đi bán thuốc lậu (?) hay sao mà vác cặp lớn thế ?

Sở dĩ bọn nó không gọi tên anh nữa vì từ khi thấy anh trùng tên với nhà thơ Á Nam Trần Tuấn

Khải có bài “Tiễn anh khóa xuồng tàu” thì tên anh đã biến thành “anh khóa” rồi.

Nghe hỏi, anh khóa Khải mỉm cười trả lời thật thà rằng:

- Tớ phải đem hết mấy cuốn tập đi chứ để ở nhà thằng con tớ nó lấy xé ra gấp tàu bay tàu bò hết.

Nghe vậy, tên Đỗ Trung Ru tròn mắt: Vậy ra anh khóa lấy vợ rồi à ?

- Vì nhà tớ là nhà địa chủ, lại hiếm hoi nên các cụ cưới cho mình cô vợ 18 tuổi hơn mình 2 tuổi, nay thằng con mình 5 tuổi rồi. Nó quậy lắm...

Trưởng lớp Đỗ Phan Hạnh nghe tin này ngạc nhiên lắm lắm: “Thế mà tao cứ gọi anh khóa bằng mày tao” . Nhiều thằng thấy Trưởng lớp quý mến anh khóa, nên bọn nó bịa rằng Trưởng lớp mình đang học hỏi “cách lấy vợ ra sao ? đêm động phòng hoa chúc làm gì ?”... Tụi nó là ma mà ! Song từ thập niên 60 đến đầu thập niên 70, Trưởng lớp của tôi dạo đó vẫn ở căn phòng trong cư xá Phục Hưng trên đường Nguyễn Thông, cửa sổ mở ra đường Tú Xương. Hàng ngày vẫn cười chiếc Lambretta chạy

về ăn “com chực” của gia đình trong con hẻm đường Trương Minh Giảng, Nào đã có có con !

Ngoài anh Khóa Khải, lớp tôi còn hai nhân vật, so chiều cao với anh Khải lùn thì cũng chẳng thua là bao. Đó là hai tên học giỏi kinh hồn. Một là Phạm Quốc Đăng và hai là Đoàn La.

Trưởng lớp tôi xếp cho hai "cụ" này ngồi bàn trên cùng, theo đúng sơ đồ bé nhỏ ngồi trên, tồng ngồng ngồi dưới. Bởi thế mỗi lần Trưởng lớp hô nghiêm chào thầy vào dạy thì tên Đỗ Trung Ru lại oang oang “Anh La và anh Đăng sao không đứng dậy chào thầy!”. Trưởng lớp lại đi một đường năn nỉ. Từ đó mới không có câu nhắc theo sau tiếng hô “nghiêm”. Cuối năm thì tên này cũng ôm khăn gói lên đường. Chẳng biết đi đâu, nhưng là thời chiến khói lửa mịt mù thì thằng nào cũng hiểu ngầm là bị ... động viên rồi.

Tuy thế các bàn lỗ chỗ như đế giày đinh cũng được trám dần với những “ông” ở đâu như tinh lý miền Trung hay cao nguyên thế vào. Tiếc rằng ba ông "Ngự lâm" đất Hoàng triều cương thổ tôi nghe danh mà vẫn chưa thấy ba ông ấy đầu ngang mũi dọc ra sao được vào học lớp tôi.

Cũng nhờ phải dồn chỗ nên Trường lớp cho tôi lên ngồi cùng bàn với Trần Lam Giang, thân phụ của Giang là Giáo sư Trần Văn Mai, thầy dạy Pháp văn lớp tôi. Hồi tên Đỗ Trung Ru chưa bị động viên thì mỗi lần tới giờ thầy vào lớp bao giờ nó cũng thông câu “Anh Giang sao không đứng dậy chào thầy”. Y hệt lời nó chọc hai cụ "lùn" ngồi bên Trường lớp. Anh khóa cũng được chuyển lên ngồi dãy bàn giữa ngang với bàn tôi. Anh cũng thoát được các câu hỏi của thằng Ru với Quyền thuốc lào rằng:

- Thế tôi tới anh Khóa học bài xong có vào ngủ với chị khóa không ?

- Thế thằng cu nó ngủ chung với anh chị khóa thì màn rặng ?

Sở dĩ anh Khóa được chuyển chỗ ngồi là do tên Đào Thiện Tuyển ngồi cùng bàn với anh đã vác ba-lô lên Võ bị Đà Lạt rồi. Hơn 60 năm sau nghe tin ông mất ở xứ Huế Kỳ, thọ 82 tuổi, đồng môn GL có làm hai câu thơ viếng ông:

*Thời trai trẻ đánh vùi chẳng sợ
Lúc về già máy mợ còn kinh !*

Lớp tôi đó. Mai tôi lại về cùng Trường lớp Hộ pháp. Lại về cùng bạn bè tôi để nhớ, sợ mai này chẳng còn chút kỷ niệm nào in đậm trong tôi ! Nhất là những ngày chủ nhật. Cứ khoảng 8 giờ bọn tôi đã tụ tập ngay trước cửa nhà Phiên. Ngô Thế Hoàn thuộc thế giới “con nhà gia pháp” nghe đâu ở với ông anh ruột làm Tổng Giám đốc Quan thuế. Nhà trong cư xá trên đường Hai Bà Trưng gần bến Bạch Đằng nên gần 9 giờ mới cưỡi ngựa sắt tới. So với tên Nguyễn Khang là thằng bạn nôi khổ học với Phiên ở trường Hàng Vôi Hà Nội xưa, thuê nhà ở tận công phi trường Tân Sơn Nhất lại tới sớm nhất. Phiên bảo: “Nhà thằng này dạo ấy bán cải muối với mắm tôm. Ngồi cùng bàn với nó bị nghiền luôn”. Vào đây, Khang đăng lính Không quân, nhà anh chị nó ở gần cơ thể học viện, phía sau nhà Trần Quang Dự thuộc Quận 5. Anh em nó phải gọi Lê Duy San bằng chú. Nó có xước danh là Khang “vèu”. xem ra cũng vui. Lâu lâu xuất hiện Nguyễn Xuân Phúc chở ông già nó đi trên chiếc Mobylette xanh má bạc tới chơi với ông già Phiên. Hai cụ vốn là bạn thân cùng là kỹ sư công chánh lại làm cùng Sở. Nên bên trong hai vị “*toi, toi-moi, moi*” với nhau toàn bằng tiếng Pháp thì ở ngoài này thằng

Phúc ngồi ghéch chân lên xe nhìn ba thằng tôi bằng nửa con mắt. Nó và Hai Thắng bàn chuyện lò võ này lò võ nọ có vẻ tâm đầu ý hiệp. Những buổi như thế này là Ngô Thế Hoàn và Phiên nháy nhau đi trước. Hai tên này là đệ tử trung thành của các rạp ciné chuyên chiếu các phim mới có các tài tử nổi tiếng. Bọn nó nghiên cứu rất kỹ rồi dành tiền và đến hẹn là đi. Tuy cũng có lần lên tiếng rủ rê, nhưng bọn tôi từ chối do không tiền. Hai Thắng bảo: bọn tớ chờ phim ấy ra rạp Lê Lợi hay Vĩnh Lợi thôi !

Từ đó như một thói quen chẳng thằng nào thắc mắc sau câu “Đi trước nhé” của hai tên này. Ngoài mê coi phim, Ngô Thế Hoàn lại còn mê nhạc. Hễ có bản nhạc mới của các nhạc sĩ nổi tiếng nào in ra là nó mua đóng thành tập như ông bạn Nguyễn Ngọc Nội. Tên này chơi đàn rất hay chứ còn Ngô Thế Hoàn thì tôi chưa thấy nó ôm đàn bao giờ. Tôi nghĩ chắc hẳn chỉ thích nghe người khác đàn hát. Bằng cứ là nghe ở phòng trà nào có ban Hạc Thành của nhạc sĩ Nhật Bằng biểu diễn, họ Ngô của chúng tôi cũng phải gom tiền nhịn ăn sáng để mua vé vào nghe. Hai Thắng bảo: Nó đến mà nghe hát hỏng gì. Nó cốt nhìn một trong hai cô ca

sĩ của ban hát này thôi”. Năm 60 nó đi du học ở Úc thì nó bảo Hồng Hạc, Bạch Hạc chỉ còn trong dĩ vãng.

Đây là chuyện của hai tên “địa chủ” khi bọn nó đi rồi thì như thông lệ, ba thằng tôi do Hai Thắng “vẽ bùa” cho rùa bò. Nghĩa là chúng tôi đi con đường đi lại ngàn lần tính từ ngày bảm áo mẹ di cư còn lê đôi guốc mộc gõ vang trên đường phố tự do. Song bây giờ tụi tôi có giày tây, hết đóng chỗ máy ông chủ ngồi đờ ni tác bên hông tòa hòa giải rộng quyền trên đường Nguyễn Huệ. Rồi lần mò sang bên Khánh Hội khi chủ ngồi lê đường có số vốn đủ mua nhà mua cửa. Còn máy tiệm giày bày trong tủ kính ở đường Lê Thánh Tôn như Trinh’s shoes, Nam Việt.... và một số tiệm nữa ở gần nhà Lê Đức Hiền tức nhà thơ Lam Kiều thì cả bọn chỉ đứng nhìn ... thèm muốn thôi.

Chúng tôi đi không biết mỗi, gặp đi gặp lại những quý ông xem ra cũng rỗng túi như mình. Vòng vo hết Lê Lợi, Lê Thánh Tôn sang bên đường góc Pasteur làm ly nước mía Viễn Đông để lấy sức... đi tiếp. Những hôm lang thang vào Tax Nguyễn Huệ, sang bên kia đường vào thang máy bảm lên bảm xuống nhà Vũ Trọng Dựng. Rồi đến Passage

Eden ngắm đồ, hy vọng một ngày nào đó ước mơ sẽ thành hiện thực. Mà nếu được rồi thì nhớ mà giữ lấy đừng như anh Lại Ân quê Thái Lộ và anh Dũng "lỏi" vừa bằng hồ danh đề, gia đình thưởng cho mỗi anh một cái mô-bi-lét. Hai anh đem tặng kẻ cơ hàn. Đây là đêm Noel, Sài Gòn hoa đăng rực rỡ, cửa nhà thờ Đức Bà, nam thanh nữ tú đang đợi chờ giây phút thiêng liêng mừng Chúa ra đời. Hai ông bạn đồng môn thân thiết của chúng tôi chẳng có đạo nhưng như bị một ma lực nào đó cuốn hút. Thế là hai ông dựng hai xe cẩu cạnh sát vào nhau và lấy khóa ra khóa. Khóa xong vội vã bước vào, mắt đảo quanh tìm mùa Xuân ước vọng.

Nhưng rồi Xuân chẳng thấy đâu mà khi ra chỗ để xe, hai chiếc xe đi chưa tới chục cây số, đã không cánh mà bay. Trộm nghĩ sau này hai ông có đậu tới ông Nghè ông Cống để gì còn được thưởng xe này xe nọ mà lượn lờ như con bướm tìm hoa !...



Từ cái đêm B'Lao năm ấy, tôi có một đêm tưởng nhớ đến rơi nước mắt ở Hải Phòng trước ngày bố tôi đẩy tôi vội vàng xuống tàu há mồm. Và khi cái mồm con quái vật ấy ngậm lại thì hai bố con

tôi thật sự mất nhau, mất luôn cả cái âm thanh rộn rã vui tươi của ban nhạc Bảo Chính đoàn tiền người ra đi, vui nơi đất mới miền Nam.

Tôi cũng cảm ơn tôi kẻ nhập hồn một đêm mất ngủ. Tôi đã “vạch mặt chỉ tên” những nét hay nét xấu ở tuổi thơ của các bạn mà tôi yêu quý vô cùng. Ngọn bút nhớ thương không làm sao ghi kịp nữa một quãng đường dài 60 năm, kẻ mất thì nhiều, người còn chẳng được bao nhiêu mà sa nước mắt.

Ngoài trời, đêm Sài Gòn mưa đang đón bão về. Lại nhớ xưa đọc “Tang thương ngẫu lục¹” cảnh huống đã ngậm ngùi. Nay hồn sách xưa đời đời còn đó chưa tan. Nhớ bạn, nhớ quê, một đời rách nát tả toi không tránh khỏi nổi bần hoàng kinh sợ. ■

¹ Tác phẩm này do Phạm đình Hổ và Nguyễn Ân biên soạn